

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ NGHĨA VỤ BẢO MẬT THÔNG TIN KHI GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

ĐỖ THỊ HOA *

Trong giao kết hợp đồng hiện nay, nghĩa vụ bảo mật thông tin không chỉ có ý nghĩa đối với việc thực tiễn giao kết, thực hiện hợp đồng mà còn cung cấp những lý giải cần thiết cho quá trình hoàn thiện pháp luật về hợp đồng. Bài viết trên cơ sở nghiên cứu pháp luật so sánh về nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng, từ đó rút ra những kinh nghiệm cho Việt Nam trong bối cảnh hoàn thiện pháp luật về giao kết hợp đồng nói chung.

Từ khóa: Bảo mật thông tin; nghĩa vụ; giao kết hợp đồng; kinh nghiệm quốc tế; pháp luật Việt Nam.

While contracting, the obligation of information confidentiality is significant to the practice of contracting and performing contracts. In addition, it provides necessary explanations for the process of completing the law on contracts. The article is based on a comparative legal study on information confidentiality obligations when entering into contracts, thereby drawing experiences for Vietnam in the context of completing the law on contracting in general.

Keywords: Information confidentiality; obligations; contracting; international experience; Vietnamese law.

NGÀY NHẬN: 15/12/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 10/01/2024

NGÀY DUYỆT: 16/02/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.337.2024.781>

1. Đặt vấn đề

Giao kết hợp đồng là giai đoạn đầu tiên liên quan đến hợp đồng. Trong giai đoạn này, các bên chưa chịu sự ràng buộc bởi hợp đồng mà các bên muốn xác lập nhưng giữa các bên đã hình thành một mối quan hệ đặc biệt thông qua việc các bên tiến hành đàm phán với nhau để đi đến sự ưng thuận giao kết hợp đồng. Do tính chất quan trọng của các thông tin mà các bên cung cấp cho nhau trong giai đoạn này nên xu hướng trong các hệ thống pháp luật hiện nay đều thừa nhận nghĩa vụ

bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng là một loại nghĩa vụ pháp lý. Bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng cần tuân thủ đầy đủ các yếu tố: (1) Bảo đảm thông tin đó là duy nhất, những người muốn tiếp cận thông tin tiền hợp đồng phải được sự cho phép của người có quyền với thông tin; (2) Việc bảo mật thông tin phải luôn sẵn sàng, phải thực hiện ở bất kỳ đâu và bất kỳ lúc nào. Do đó, nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp

* TS, Trường Đại học Thương mại

đồng được xem xét trên cơ sở có sự thống nhất ý chí giữa các bên và tạo ra sự ràng buộc về pháp lý, từ đó nghĩa vụ giữa các bên trở thành nghĩa vụ trong hợp đồng.

Như vậy, nghiên cứu pháp luật về nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng không chỉ có ý nghĩa đối với việc thực tiễn giao kết, thực hiện hợp đồng mà còn cung cấp những lý giải cần thiết cho quá trình hoàn thiện pháp luật về hợp đồng.

2. Quan điểm của pháp luật so sánh về nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng

Hệ thống Common law đánh giá nghĩa vụ bảo mật thông tin rất phức tạp, thông tin không thể được tiết lộ mà không có sự đồng ý rõ ràng của người đó trừ khi có cơ sở pháp lý hợp lệ khác¹. Điều 15.127 về nghĩa vụ bảo mật - *Đạo luật quyền riêng tư* của Australia năm 1988 cho thấy: nghĩa vụ bảo mật một cách công bằng có thể phát sinh khi không có sự giao kết hợp đồng. Nghĩa vụ phát sinh khi thông tin có mức độ tin cậy nhất định cần thiết được truyền đạt trong các trường hợp bắt buộc phải có nghĩa vụ bảo mật. Vi phạm nghĩa vụ xảy ra khi có việc sử dụng trái phép thông tin (không chỉ khi thông tin được tiết lộ trái phép)².

Hệ thống Civil law cũng cho thấy giao kết hợp đồng là một giai đoạn quan trọng trong việc thiết lập hợp đồng. Giai đoạn này được điều chỉnh bởi nguyên tắc tự do hợp đồng và nguyên tắc thiện chí. Điều 12 *Luật Hợp đồng Mỹ Latinh* quy định: “Một bên nhận được thông tin bí mật trong quá trình đàm phán hợp đồng không được sử dụng hoặc tiết lộ thông tin bí mật đó, phải bồi thường cho những tổn thất và bồi thường lợi ích nhận được”³; khoản 2 Điều 241 *Bộ luật Dân sự Đức* năm 2021 ghi nhận: “... một nghĩa vụ có thể buộc mỗi bên phải tính đến các quyền, lợi ích hợp pháp và lợi ích khác của bên kia”, đồng thời dẫn chiếu tới Điều 311 cho thấy, nghĩa vụ phát sinh từ khi bắt đầu đàm phán hợp đồng, kể cả trong trường hợp hợp đồng không được giao kết. Nghĩa vụ này yêu cầu

mỗi nhà đàm phán duy trì tính bảo mật của thông tin do bên kia cung cấp. Mặt khác, việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin đòi hỏi người vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho bên bị thiệt hại theo Điều 280 về bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ.

Ngoài ra, Điều 1112-2. Tiểu mục 1 về đàm phán - *Bộ luật Dân sự Pháp* năm 2016 ghi nhận: “Một người không được phép sử dụng hoặc tiết lộ thông tin bí mật thu được trong quá trình đàm phán sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý theo các điều kiện do luật chung quy định. Các cơ quan xét xử coi nghĩa vụ bảo mật là nghĩa vụ phát sinh từ nguyên tắc thiện chí, được áp dụng mà không cần văn bản pháp luật hoặc thỏa thuận giữa các bên”⁴.

Điều 2.1.16 về nghĩa vụ bảo mật - tại Nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế của UNIDROIT 2016 quy định: trong trường hợp thông tin được một bên đưa ra là bí mật trong quá trình đàm phán, bên kia có nghĩa vụ không tiết lộ thông tin đó hoặc sử dụng thông tin đó không đúng cách cho mục đích riêng của mình, cho dù hợp đồng có được ký kết sau đó hay không. Khi thích hợp, biện pháp khắc phục vi phạm nghĩa vụ đó có thể bao gồm bồi thường dựa trên lợi ích mà bên kia nhận được⁵. Tại Điều 2:302 về vi phạm tính bảo mật - tại Nguyên tắc của *Luật Hợp đồng châu Âu* (PECL) quy định: “Nếu thông tin bí mật được cung cấp bởi một bên trong quá trình đàm phán, bên kia có nghĩa vụ không tiết lộ thông tin đó hoặc sử dụng nó cho mục đích riêng của mình cho dù hợp đồng có được ký kết sau đó hay không. Biện pháp khắc phục vi phạm nghĩa vụ này có thể bao gồm bồi thường tổn thất phải chịu và bồi thường lợi ích mà bên kia nhận được”⁶.

Như vậy, có thể thấy, các luật gia pháp lý có quan điểm khác nhau trong việc xác định cơ sở pháp lý khi xác định sự tồn tại của nghĩa vụ này. Một số người cho rằng, điều này là do lý thuyết làm giàu bất chính, trong khi những người khác cho rằng, nghĩa vụ này dựa trên các quy định về trách nhiệm dân sự trong

việc ban hành nghĩa vụ bảo mật thông tin. Tuy nhiên, xu hướng thứ ba chọn đề cập đến các nguyên tắc thiện chí và những gì được yêu cầu bởi tính liên chính trong giao dịch giữa các bên.

3. Nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng theo pháp luật Việt Nam

Nghĩa vụ bảo mật thông tin không chỉ tồn tại trong giai đoạn thực hiện hợp đồng và sau khi chấm dứt hợp đồng theo khoản 5 Điều 517 về nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ và tại khoản 4 Điều 289 *Luật Thương mại* năm 2005 quy định: “Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thương nhân nhận quyền có các nghĩa vụ sau đây: giữ bí mật về bí quyết kinh doanh đã được nhượng quyền, kể cả sau khi hợp đồng nhượng quyền thương mại kết thúc hoặc chấm dứt”. Nghĩa vụ bảo mật thông tin còn đặt ra ở giai đoạn giao kết hợp đồng, có thể kể đến một số văn bản:

Thứ nhất, Bộ luật Dân sự năm 2015.

Có sự ảnh hưởng không nhỏ từ các nước thuộc hệ thống pháp luật Civil law, các nhà lập pháp của Việt Nam đã luôn coi trọng nguyên tắc trung thực, thiện chí trong việc điều chỉnh các quan hệ dân sự. Tại Điều 3 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 quy định: “Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực”. Quy định khẳng định nguyên tắc trung thực, thiện chí tồn tại trong giai đoạn xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự đóng vai trò là nền tảng cho việc đặt ra nghĩa vụ của các bên trong giai đoạn giao kết hợp đồng (Điều 387). Việc quy định về hậu quả pháp lý là bồi thường thiệt hại của bên vi phạm tại khoản 3 Điều 387 đã góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên khi giao kết hợp đồng.

Trên cơ sở nguyên tắc trung thực và thiện chí được áp dụng ngay từ giao kết hợp đồng, cụ thể: tại khoản 2 Điều 387 ghi nhận: “Trường hợp một bên nhận được thông tin bí mật của bên kia trong quá trình giao kết hợp

đồng thì có trách nhiệm bảo mật thông tin và không được sử dụng thông tin đó cho mục đích riêng của mình hoặc cho mục đích trái pháp luật khác”. Trước đây, nghĩa vụ bảo mật thông tin trong giao kết hợp đồng là vấn đề chưa được pháp luật Việt Nam quan tâm nhiều. Nghĩa vụ bảo mật thông tin đặt ra chủ yếu dựa trên sự thỏa thuận hợp đồng. Ngoài ra, khoản 3 Điều 387 cũng quy định rõ trách nhiệm của bên vi phạm: “Bên vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại thì phải bồi thường”. Khi nhận được thông tin bí mật của bên kia trong quá trình giao kết, bên nhận thông tin có nghĩa vụ bảo mật các thông tin đó và không được phép khai thác, sử dụng trái với mục đích của bên cung cấp thông tin, nếu gây ra thiệt hại sẽ phải bồi thường. *Bộ luật Dân sự* năm 2015 đã tạo ra hành lang pháp lý góp phần cân bằng quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao kết hợp đồng khi ghi nhận nghĩa vụ bảo mật thông tin và hậu quả pháp lý do vi phạm. Tuy nhiên, quy định này hiện nay vẫn còn tồn tại những bất cập cần được hướng dẫn cụ thể.

Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ quy định chung về nghĩa vụ bảo mật “thông tin bí mật” mà không có giải thích thế nào là thông tin bí mật. Vì vậy, *Bộ luật* cần quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin là một nghĩa vụ có giới hạn, làm tiền đề cho các luật chuyên ngành đưa ra các quy định cụ thể tương ứng với đặc thù về đối tượng điều chỉnh.

Khoản 3 Điều 387 chỉ quy định trách nhiệm “bồi thường” mà không quy định rõ đó là trách nhiệm hợp đồng hay ngoài hợp đồng. Điều này, dẫn đến hai luồng quan điểm⁷:

Quan điểm thứ nhất, coi bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ tiền hợp đồng là trách nhiệm ngoài hợp đồng, giống như đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin và áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết.

Quan điểm thứ hai, phân biệt hai trường hợp: *trường hợp thứ nhất*, nếu giữa các bên

có thỏa thuận về bảo mật thông tin giai đoạn tiền hợp đồng (thường ở dạng một thỏa thuận hợp đồng) thì khi đó, vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin dẫn tới trách nhiệm hợp đồng và theo đó sẽ áp dụng các quy định điều chỉnh thực hiện hợp đồng để giải quyết; *trường hợp thứ hai*, giữa các bên không có thỏa thuận về bảo mật thông tin giai đoạn tiền hợp đồng thì trách nhiệm do vi phạm (pháp luật về bảo mật) sẽ dẫn tới trách nhiệm ngoài hợp đồng và đương nhiên sẽ áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết.

Thứ hai, Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Luật Luật sư cũng ghi nhận luật sư có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động hành nghề: “Nghiêm cấm luật sư thực hiện các hành vi sau đây: Tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác” tại điểm c khoản 1 Điều 9. Ngoài ra, “Luật sư không được tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác” (Điều 25). Quy định này cho thấy giới hạn những thông tin mà luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật bao gồm những thông tin liên quan đến vụ, việc thực tế đang giải quyết và cả những thông tin khác về khách hàng mà luật sư biết được trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Luật sư có trách nhiệm giữ bí mật thông tin về khách hàng từ khi tham gia đàm phán hợp đồng, trong thời gian đang giải quyết hồ sơ vụ, việc và cả sau khi kết thúc vụ việc. *Luật Luật sư* quy định: “Tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm bảo đảm các nhân viên trong tổ chức hành nghề không tiết lộ thông tin về vụ việc, về khách hàng của mình” tại khoản 3 Điều 25 và trong *Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư Việt Nam*, Quy tắc 12 quy định: “Luật sư có trách nhiệm

yêu cầu các đồng nghiệp có liên quan và nhân viên của mình cam kết không tiết lộ những bí mật thông tin mà họ biết được và giải thích rõ nếu tiết lộ thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật”.

Như vậy, nghĩa vụ bảo mật thông tin không chỉ được đặt ra cho giai đoạn thực hiện hợp đồng, sau khi hợp đồng chấm dứt mà tồn tại cả trong giai đoạn giao kết hợp đồng. Nghĩa vụ này ko chỉ ràng buộc với luật sư trực tiếp tiếp nhận, giải quyết vụ việc của khách hàng mà các luật sư khác trong cùng tổ chức hành nghề luật sư cũng phải có nghĩa vụ bảo mật thông tin về khách hàng của tổ chức mình.

Thứ ba, các văn bản khác.

Trong lĩnh vực ngân hàng, nội dung được ghi nhận tại Điều 4 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 của Chính phủ quy định về việc bảo vệ bí mật, thông tin khách hàng tại các ngân hàng. Những thông tin khách hàng cung cấp trong giai đoạn giao kết hợp đồng phải được giữ bí mật. Tổ chức tín dụng chỉ được cung cấp thông tin đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật. Ngoài ra, tại Điều 5 Nghị định 117/2018/NĐ-CP còn quy định về: “Quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khách hàng”. Trên cơ sở đó, tổ chức tín dụng phải căn cứ vào các quy định của pháp luật để ban hành quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng của khách hàng. Về thời gian bảo mật thông tin khách hàng, (theo điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định 117/2018/NĐ-CP).

4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng

Một là, cần hoàn thiện các quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng để bảo đảm nguyên tắc áp dụng giữa quy định chung trong *Bộ luật Dân sự* và các quy định chuyên ngành.

Để điều chỉnh nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng cần có các quy định đầy đủ, đồng bộ ở cả hai cấp độ, đó là: (1) *Cấp độ*

một: các quy định chung để áp dụng cho các quan hệ hợp đồng; (2) *Cấp độ hai*: các quy định riêng dành cho từng loại quan hệ hợp đồng cụ thể. Hiện nay, ở cấp độ một, *Bộ luật Dân sự* năm 2015 đã có quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng được áp dụng chung cho quan hệ hợp đồng. Tuy nhiên, ở cấp độ hai, một số quy định chuyên ngành lại chưa tương thích quy với định chung này. Ngay trong phần riêng của *Bộ luật Dân sự* năm 2015 điều chỉnh một số hợp đồng chuyên ngành và các văn bản quy phạm pháp luật khác mới đặt ra nghĩa vụ bảo mật thông tin trong giai đoạn thực hiện hợp đồng và sau khi chấm dứt hợp đồng. Do đó, cần có hướng dẫn thống nhất với những trường hợp vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng sẽ áp dụng quy định chung tại Điều 387 *Bộ luật Dân sự* năm 2015, còn những vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khi thực hiện hợp đồng sẽ áp dụng các quy định luật chuyên ngành để giải quyết, tránh việc các chủ thể hiểu rằng vì không có quy định nên không thực hiện bảo mật thông tin.

Hai là, cần xác định cụ thể hơn về giới hạn bảo mật thông tin.

Hiện nay, *Bộ luật Dân sự* chỉ quy định chung chung về nghĩa vụ bảo mật “thông tin bí mật” mà không đưa ra giới hạn nào khác cho loại nghĩa vụ này. Xác định phạm vi thông tin phải bảo mật, thời hạn bảo mật thông tin có ý nghĩa rất lớn, tạo ra sự minh bạch cho các bên. Vì vậy, nếu không quy định cụ thể về giới hạn thông tin cần bảo mật, thời gian bảo mật thông tin và những trường hợp ngoại lệ mà bên nhận được thông tin có thể được hoặc phải tiết lộ thông tin bí mật của bên kia sẽ tạo ra nhiều kẽ hở của pháp luật, pháp luật trở nên không khả thi và tranh chấp sẽ trở nên phổ biến.

Pháp luật cần xây dựng theo hướng tùy từng loại hợp đồng, các bên khi giao kết hợp đồng phải xác định phạm vi thông tin cần bảo mật. Tham khảo định nghĩa “thông tin bí

mật” trong Quy tắc 12b-2 theo *Đạo luật Giao dịch Chứng khoán* năm 1934 của Mỹ: bao gồm nhưng không giới hạn ở bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào liên quan đến sản phẩm, công thức, thông số kỹ thuật, thiết kế, quy trình, kế hoạch, chính sách, thủ tục, nhân viên, điều kiện làm việc, các vấn đề pháp lý và quy định, tài sản, hàng tồn kho, khám phá, nhãn hiệu, bằng sáng chế, sản xuất, đóng gói, phân phối, bán hàng, tiếp thị, chi phí, báo cáo tài chính và dữ liệu, danh sách khách hàng và nhà cung cấp, nguyên liệu thô, chi phí hàng hóa và mối quan hệ với bên thứ ba. Thông tin bí mật cũng bao gồm mọi ghi chú, phân tích, tổng hợp, nghiên cứu hoặc tài liệu hoặc tài liệu khác do bên nhận chuẩn bị có chứa, phản ánh hoặc dựa toàn bộ hoặc một phần vào Thông tin bí mật⁸.

Tham khảo kinh nghiệm nước ngoài cũng cho thấy, luật pháp Anh đã đưa ra sự bảo vệ rộng rãi đối với thông tin được tiết lộ trong giai đoạn đàm phán hợp đồng; bên cạnh việc bảo vệ thông tin bí mật liên quan đến thương mại và công nghiệp, sự bảo vệ này bao gồm bí mật chính trị, gia đình, cá nhân và các bí mật khác. Ngoài ra, “có thể hiểu thông tin bí mật là thông tin chưa được công bố công khai và nghĩa vụ bảo mật không áp dụng với thông tin mà bên nhận thông tin buộc phải cung cấp cho bên thứ ba theo quy định của pháp luật”⁹. Trong các quy định về nhượng quyền thương mại cũng cho thấy: “Các bí mật trong hoạt động kinh doanh bao gồm các bí mật kinh doanh, quy trình vận hành hệ thống và bí quyết kinh doanh”¹⁰.

Về thời hạn bảo mật thông tin cũng chưa có quy định cụ thể, pháp luật thế giới đang cân nhắc theo ba xu hướng: (1) Xu hướng pháp lý thứ nhất cho rằng, nghĩa vụ duy trì tính bảo mật của thông tin là một nghĩa vụ vĩnh viễn không có giới hạn về thời gian; (2) Xu hướng thứ hai cho rằng thời hạn của nghĩa vụ giữ bí mật thông tin có thể được xác định dựa trên tiêu chí về tầm quan trọng về kinh tế và thương mại của thông tin bí mật¹¹; (3)

Xu hướng luật học thứ ba phổ biến hơn cả, khi cho rằng nghĩa vụ này phải được giới hạn trong một khoảng thời gian hợp lý.

Ba là, cần xác định hậu quả pháp lý phát sinh do vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng.

Việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trên cơ sở luật định (ngoài hợp đồng) mà không phải loại vi phạm nghĩa vụ phát sinh trên cơ sở của sự thoả thuận (hợp đồng). Do đó, các yếu tố về trách nhiệm pháp lý ngoài hợp đồng sẽ tồn tại để yêu cầu bồi thường.

Tuy nhiên, với quy định chưa rõ ràng tại Điều 387 *Bộ luật Dân sự* năm 2015, câu hỏi đặt ra là khoản lợi nếu bên nhận được thông tin bí mật sử dụng các thông tin đó một cách bất hợp pháp hay tiết lộ cho bên thứ ba thì được xử lý như thế nào? Có thể thấy, khoản lợi này là những khoản lợi không có căn cứ pháp luật, vì vậy, quy định nghĩa vụ hoàn trả của bên có hành vi vi phạm được coi là xu thế của pháp luật đương đại. Cụ thể tại Điều 2: 302 Bộ nguyên tắc PECL quy định về nghĩa vụ bảo mật như sau: “Nếu thông tin bí mật được một bên đưa ra trong quá trình thương lượng, bên kia phải có nghĩa vụ không tiết lộ thông tin đó hoặc không sử dụng thông tin đó cho các mục đích riêng bất kể liệu hợp đồng sau đó có được ký kết không. Việc vi phạm nghĩa vụ này có thể làm phát sinh quyền được bồi thường thiệt hại cho những thiệt hại đã xảy ra và hoàn trả những lợi ích đã có được của bên vi phạm”. Đồng thời, tại Điều 2.1.16 Bộ nguyên tắc UNIDROIT về Hợp đồng thương mại quốc tế năm 2004 cũng quy định việc thực hiện không đúng nghĩa vụ này có thể phải bồi thường thiệt hại (nếu có), bao gồm lợi ích mà bên kia có thể thu được từ bí mật này. Tiếp thu kinh nghiệm trong các bộ nguyên tắc trên, chúng ta nên ghi nhận ngoài việc phải bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu

bên vi phạm trả lại những khoản lợi ích thu được từ việc vi phạm đó.

Nhìn chung, rất nhiều nước đã dựa vào nguyên tắc chung về thiện chí, trung thực để áp đặt nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng. Tuy nhiên, việc khai thác nguyên tắc trung thực, thiện chí theo hướng ngầm thừa nhận nghĩa vụ bảo mật thông tin chưa đủ hiệu quả. Vì vậy, không riêng *Bộ luật Dân sự* quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin khi giao kết hợp đồng mà mỗi lĩnh vực riêng theo đặc thù của thông tin, pháp luật chuyên ngành cũng có quy định cụ thể về nghĩa vụ bảo mật thông tin. Mức độ hậu quả, hình thức chịu trách nhiệm do vi phạm bảo mật thông tin tùy thuộc vào từng hành vi vi phạm cụ thể □

Chú thích:

1. Nghĩa vụ bảo mật theo luật chung. <https://www.ukcg.gov.uk>, truy cập ngày 09/9/2023.
2. Đạo luật Quyền riêng tư 1988. <https://www.alrc.gov.au>, truy cập ngày 09/9/2023.
3. Nguyên tắc của Luật Hợp đồng Mỹ Latinh (PLACL). <https://www.trans-lex.org>, truy cập ngày 10/9/2023.
4. Bộ luật Dân sự Pháp 2016. <https://www.trans-lex.org>, truy cập ngày 09/9/2023
5. Nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế của UNIDROIT 2016. <https://www.trans-lex.org>, truy cập ngày 09/9/2023.
6. Nguyên tắc của Luật Hợp đồng châu Âu - PECL. <https://www.trans-lex.org>, truy cập ngày 09/9/2023.
7. Lê Trường Sơn. Nghĩa vụ bảo mật thông tin có được trong giai đoạn tiền hợp đồng. Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam 05/2015, tr. 27 - 28.
8. Thỏa thuận bảo mật và không tiết lộ. <https://www.sec.gov>, truy cập ngày 09/9/2023.
9. Trương Nhật Quang. *Pháp luật về hợp đồng*. H. NXB Dân trí, 2020, tr. 169.
10. Hoàng Thị Thanh Thủy. *Điều khoản bảo mật thông tin và điều khoản cấm cạnh tranh trong hợp đồng nhượng quyền thương mại*. Tạp chí Luật học 02/2011, tr. 44.
11. Nghĩa vụ bảo mật thông tin trong dự thảo Bộ luật Dân sự Palestine. <https://www.researchgate.net>, truy cập ngày 09/9/2023.